

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:140/2017/HSPT

Ngày: 28/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi

Ông Ong Thân Thắng

Thư ký phiên toà: Ông Dương Đình Hưng - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, mở phiên toà xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 115/2017/HSPT ngày 07/8/2017 đối với bị cáo Dương Thị Q và bị cáo Chu Văn H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án số 35/2017/HSST ngày 29/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Dương Thị Q** - sinh năm 1980; nơi đăng ký HKTT: thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: lớp 4/12; con ông Dương Văn B (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Q; có chồng đã ly hôn khi xét xử sơ thẩm; có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 22/10/2016 đến ngày 31/10/2016, hiện tại ngoại (vắng mặt).

2. Họ và tên: **Chu Văn H** - sinh năm 1985; nơi sinh: xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: lớp 12/12; con ông Chu Văn G (đã chết) và con bà Hoàng Thị S; có vợ: Hà Thị Hoài H và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 25/10/2016 đến ngày 31/10/2016, hiện tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Dương Thị Q: Bà Giáp Thị V- Luật sư của Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Trong vụ án này còn có 01 bị cáo khác và 06 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ ngày 21/10/2016, sau khi nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc đối tượng Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 ở thôn C, xã L, huyện H đang có hành vi thanh toán tiền đánh bạc dưới hình thức chơi số lô, số đề cho khách tại nhà. Tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã tổ chức bắt quả tang Nguyễn Thị H đang có hành vi thanh toán tiền trúng thưởng số lô, số đề cho đối tượng Đỗ Tiến D, sinh năm 1987 ở thôn S, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. D đã trúng các số lô 08, 11, 23, 24 và 80 mỗi số 05 điểm, tổng số 25 điểm lô x 80.000 đồng/1 điểm lô là 2.000.000 đồng. Khi Nguyễn Thị H vừa đưa 2.000.000 đồng tiền trúng các số lô trên cho D thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Quá trình bắt giữ tại nhà H còn có anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988 ở thôn T, xã H, huyện H đến quán của H gọi đầu, anh Đ đã chứng kiến toàn bộ việc H thanh toán tiền trúng thưởng số lô, số đề cho D cũng như quá trình bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm: số tiền 2.000.000 đồng, H giao nộp một điện thoại di động Iphone có số Imei 013425000612568 lắp sim số 0962388482 và một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia có số sêri 358015032761278 lắp sim số 0989409880; D giao nộp một điện thoại di động Nokia có số sêri 355127074798622, lắp sim số 01642518756.

Hình thức đánh bạc dưới hình thức số lô, số đề được quy ước như sau:

- Dạng thứ nhất: Đặt cược hai số cuối của giải đặc biệt, nếu người chơi đề trúng cược sẽ được trả gấp 80 lần số tiền đặt cược, nếu thua cược thì sẽ mất số tiền đó.
- Dạng thứ hai: Đặt cược hai số cuối của giải nhất (còn gọi là nhất to), nếu người chơi đề trúng cược sẽ được trả gấp 80 lần số tiền đặt cược, nếu thua cược thì sẽ bị mất số tiền đó.
- Dạng thứ ba: Đặt cược hai số cuối của giải đặc biệt và giải nhất với cùng một số (còn gọi là chơi 02 cửa). Tức là cách chơi một số đề cho cả hai cách chơi như nhất và thứ hai.
- Dạng thứ tư: Đặt cược cho 03 số cuối của giải đặc biệt hoặc giải nhất (còn gọi là chơi 03 số hay 03 càng). Nếu người chơi trúng cược sẽ được trả 400 lần số tiền đặt cược (với 03 số), nếu thua cược thì sẽ bị mất số tiền đó.
- Dạng thứ năm: Đặt cược 02 số cuối của tất cả các giải xổ số (còn gọi là chơi lô), nếu người chơi trúng cược sẽ được trả 80.000 đồng/01 điểm lô/01 nháy (mỗi điểm lô người chơi phải bỏ ra 23.000 đồng, mỗi nháy tương ứng với việc số đặt cược trùng với hai số cuối của một giải xổ số).
- Dạng thứ sáu: Đặt cược bộ số gồm 2 số, 3 số, 4 số có hai chữ số (từ 00 đến 99) để so sánh với hai số cuối của tất cả các giải xổ số (gọi là chơi lô xiên: xiên 2, xiên 3, xiên 4). Nếu trúng bộ 2 số (xiên 2) thì người chơi được trả gấp 10 lần số tiền đặt cược; nếu trúng bộ 3 số (xiên 3) thì người chơi được trả gấp 40 lần số tiền đặt cược; nếu trúng bộ 4 số (xiên 4) thì người chơi được trả gấp 100 lần số tiền đặt cược.

Ngày 21/10/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 129/LKX đối với nơi ở của Nguyễn Thị H, kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Thị H, cùng ngày 21/10/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 130/LKX đối với nơi ở của Dương Thị Q, sinh năm 1980 ở thôn Đ, xã Đ, huyện H, kết quả thu giữ:

- + 16 tờ giấy A4 trên có các chữ số và chữ viết;
- + 01 điện thoại di động Iphone có Imei sau nắp máy 359240065367822;
- + 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota màu đen, biển kiểm soát 30E- 102.63, trong ô tô có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 167820 mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, địa chỉ: Số 15B, Ngõ B, V, phường K, quận B, thành phố Hà Nội; 01 giấy chứng minh nhân dân số 121563625 mang tên Dương Thị Q; 01 giấy phép lái xe số 241121798188 mang tên Dương Thị Q; 01 chứng nhận kiểm định số 5308212 của xe ô tô biển số 30E-102.63; 01 quyển sổ nhãn hiệu Composition có bìa màu xanh, bên trong có ghi chữ viết, chữ số và số tiền 50.000.000 đồng.

Cùng ngày 21/10/2016, Dương Thị Q đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể là hàng ngày Q nhận các số lô, số đề của các đối tượng:

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 ở thôn C, xã L, huyện H, tỉnh B.
2. Chu Văn H, sinh năm 1985 ở thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
3. Hà Quang D, sinh năm 1980 ở thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
5. Nguyễn Văn D, sinh năm 1978 ở thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
6. Đối tượng tên Q ở khu vực quận C, thành phố H (không rõ tuổi và địa chỉ cụ thể).
7. Đối tượng tên H ở thành phố N, tỉnh Nam Định (không rõ tuổi và địa chỉ cụ thể).

Sau khi nhận các số lô, số đề từ các đối tượng trên, Q tổng hợp số lô, số đề rồi chuyển qua tin nhắn và Zalo đến số điện thoại 0973922669 cho Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 ở Số 16 Trần Quý K, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào lời khai của Dương Thị Q cùng tài liệu điều tra thu thập đã xác định hành vi bán số lô, số đề của Dương Thị Q với các đối tượng như sau:

1. Hành vi đánh bạc của Dương Thị Q và Nguyễn Thị H:

Dương Thị Q và Nguyễn Thị H là bạn cùng học và cùng quê nên Q và H chơi thân với nhau. Q biết H làm nghề cắt tóc, gội đầu tại thôn C, L, H nên đã nhờ H làm thư ký cho mình trong việc bán số lô, số đề cho khách của H. Trước 18 giờ hàng ngày, Q sử dụng điện thoại di động Iphone lắp sim số 0963903268

để nhận tin nhắn các số lô, số đề của H rồi Q chuyển các tin nhắn ghi các số lô, số đề đó cho Nguyễn Thị N. V ghi các số lô, số đề tại quán của H được thực hiện như sau: Hàng ngày khi có khách đến quán cắt tóc, gọi đầu mà có nhu cầu chơi số lô, số đề thì H yêu cầu khách tự soạn các số lô, số đề vào máy điện thoại di động của khách rồi nhắn tin các số lô, số đề đó sang điện thoại di động của H. Sau đó H chuyển tiếp các số lô, số đề khách nhắn đến cho Q. H nhận ghi số lô, số đề cho khách với mục đích để tăng lượng khách đến quán cắt tóc, gọi đầu còn việc H chuyển số lô, số đề cho Q thì không hưởng lợi nhuận vì khách đến chơi không đều và lượng tiền ít nên H và Q thống nhất không trích lại phần trăm cho H.

Ngày 13/10/2016 H nhắn tin đánh số lô, số đề với Q số tiền là 1.075.000 đồng, không trúng.

Ngày 17/10/2016 H nhắn tin đánh số lô, số đề với Q số tiền là 750.000 đồng, tiền trúng 800.000 đồng. Tổng số tiền H đánh bạc với Q là 1.550.000 đồng.

Ngày 18/10/2016 H nhắn tin đánh số lô, số đề với Q số tiền là 500.000 đồng, không trúng.

Khoảng 16 giờ 38 phút ngày 21/10/2016, có một nam thanh niên (không rõ danh tính) đến quán của H và bảo H ghi các số lô, số đề. H yêu cầu người thanh niên đó tự soạn các số lô, số đề muốn chơi vào điện thoại di động rồi nhắn tin sang điện thoại di động của H. Người thanh niên đó dùng điện thoại di động lắp sim số 01662037929, tự soạn các số lô: “lô 08 = 50 điểm, 80 = 50 điểm, 06 = 20 điểm, 60 = 20 điểm, 01 = 10 điểm và 10 = 10 điểm (tổng 160 điểm x 23.000 đồng/1điểm = 3.680.000 đồng) rồi nhắn tin sang điện thoại di động Nokia lắp sim số 0989409880 của H, sau đó H đã chuyển tiếp tin nhắn các số lô, số đề đó sang điện thoại di động lắp số 0963903268 của Dương Thị Q. H đã thu 3.680.000 đồng của người khách đó, sau khi ghi số lô, số đề xong thì người khách đó ra về.

Đến khoảng 17 giờ 22 phút cùng ngày, Đỗ Tiến D, sinh năm 1987 ở thôn S, xã V, huyện V đến quán gọi đầu của H bảo H ghi cho các số lô, số đề. H yêu cầu D tự soạn các số lô, số đề muốn chơi vào điện thoại di động của D rồi nhắn tin sang điện thoại di động của H. D đã sử dụng điện thoại di động lắp sim số 01642518756 tự soạn các số lô, số đề: “lô: 23, 24, 25, 11, 13, 22, 15, 41, 66, 77, 08, 80 mỗi con 05 điểm; lô xiên: 24-15-41 số tiền 20.000 đồng; ghi cửa đặc biệt 15, 40, 50, 16, 41 mỗi con 20.000 đồng (tổng 60 điểm lô x 23.000 đồng/1điểm = 1.380.000 đồng và 120.000 đồng tiền đề (đặc biệt, xiên, ba càng và các loại khác được gọi chung là Đề); tổng số tiền Đỗ Tiến D ghi số lô, số đề là 1.500.000 đồng. Sau đó D nhắn tin sang điện thoại di động Nokia lắp sim số 0989409880 của H, H chuyển tiếp nhắn tin các số lô, số đề đó sang máy điện thoại di động lắp số 0963903268 của Q. H đã thu của Đỗ Tiến D số tiền 1.500.000 đồng, sau ghi số lô, số đề xong thì Đỗ Tiến D ra về.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Đỗ Tiến D sau khi so sánh với kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng ngày 21/10/2016 thấy trúng lô nên đã quay

lại đến quán của H để thanh toán tiền. D trúng các số lô 08, 11, 23, 24 và 80 mỗi số 5 điểm, tổng số 25 điểm x 80.000 đồng/1điểm = 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Dương Thị H đưa 2.000.000 đồng tiền trúng lô cho D, vừa đưa xong thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Ngoài ra khi kiểm tra điện thoại thì phát hiện người thanh niên ban đầu đến ghi số lô, số đề có số điện thoại di động 01662037929 đã trúng các số lô 08 = 50 điểm, 80 = 50 điểm. Tổng 100 điểm x 80.000 đồng = 8.000.000 đồng chưa đến thanh toán tiền.

Tổng số tiền Nguyễn Thị H bán số lô, số đề cho khách ngày 21/10/2017 là 5.180.000 đồng tiền khách ghi + 10.000.000 đồng tiền trúng = 15.180.000 đồng. Toàn bộ số tiền thu được trong quá trình ghi lô, đề ngày 21/10/2016 Nguyễn Thị H chưa thanh toán với Dương Thị Q.

2. Hành vi đánh bạc của Dương Thị Q và Chu Văn H:

Qua mối quan hệ hàng xóm, Chu Văn H biết Dương Thị Q làm chủ lô, đề nên H nhận đứng ra làm thư ký cho Q, Q thống nhất sẽ trích lại cho Chu Văn H 1.000 đồng/1 điểm lô, 15% tổng tiền đề và các dạng khác. Ngày 21/10/2016, sau khi ghi các số lô, số đề kho khách, H đã sử dụng điện thoại di động lắp sim số 0984394385 nhắn tin các số lô, số đề cho Q qua Zalo vào số điện thoại 0963903268 với tổng số tiền (đã khấu trừ phần trăm) là 38.150.000 đồng, số tiền trúng ngày 21/10/2016 là 44.320.000 đồng. Tổng số tiền H đánh bạc ngày 21/10/2016 là 82.470.000 đồng. Biết Q bị Công an bắt về hành vi đánh bạc (dưới hình thức ghi số lô, số đề), H đã bỏ trốn ra thành phố Hà Nội, bán chiếc điện thoại di động mà H sử dụng nhắn tin số lô, số đề với Q tại cửa hàng điện thoại (không rõ địa chỉ) và H đã bẻ gãy, ném chiếc sim điện thoại số 0984394385 trên đường thuộc thành phố Hà Nội. Đến ngày 25/10/2016, H đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

3. Hành vi đánh bạc của Dương Thị Q và Nguyễn Văn T:

Nguyễn Văn T có quen biết Dương Thị Q qua quan hệ xã hội. T biết Q làm chủ lô, đề nên đã đặt vấn đề mua số lô, số đề của Q dưới hình thức nhắn tin ghi số lô, số đề qua điện thoại. Q đồng ý và thống nhất bán với giá 22.000 đồng/1 điểm lô, đề và các loại khác Q giảm cho T 15% tổng số tiền. Quá trình điều tra xác định ngày 27/9/2016 T đã sử dụng điện thoại nhãn hiệu OPPO lắp 02 sim số 0916128235 và 0968558235 nhắn tin các số lô, số đề cho Q tổng số tiền là 1.153.000 đồng, không trúng số lô, số đề nào. Ngày 20/10/2016 T đã nhắn tin cho Q các số lô, số đề tổng số tiền là 875.000 đồng, không trúng số lô, số đề nào. Đến ngày 21/10/2016, T tiếp tục nhắn tin các số lô, số đề cho Q với số tiền là 1.128.000 đồng, số tiền trúng là 1.600.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc ngày 21/10/2016 là 2.728.000 đồng. Quá trình làm việc, Nguyễn Văn T đã giao nộp chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO có 02 số Imei gồm: 869125023079572 và 869125023079564 có lắp 02 sim mà T sử dụng mua số lô, số đề với Dương Thị Q.

4. Hành vi đánh bạc của Dương Thị Q và Nguyễn Văn D:

Dương Thị Q có mối quan hệ họ hàng với Nguyễn Văn D và gọi D bằng chú. D biết Q làm chủ lô, đề nên thi thoảng D có mua số lô, số đề của Q, Q thu của D 22.000 đồng/1 điểm lô và 90% tổng số tiền đề cũng như hình thức khác. Ngày 20/10/2016, D đã dùng điện thoại Nokia lắp sim số 0983156228 nhắn tin mua số lô, số đề với Q số tiền là 2.164.000 đồng, trúng số tiền lô là 1.600.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc ngày 20/10/2016 là 3.764.000 đồng. Ngày 21/10/2016, D sử dụng máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim 0974998811 và điện thoại Nokia lắp sim số 0983156228 mua số lô, số đề với Q số tiền là 4.252.000 đồng, không trúng số lô, số đề nào. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim số 0983156228 D bị rơi mất. Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn D giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng có 02 số Imei lần lượt là: 353709073738261 và 353709073738279 lắp 01 sim số 0974998811.

5. Hành vi đánh bạc của Dương Thị Q với Hà Quang D:

Hà Quang D là bạn của anh Ngô Văn T, sinh năm 1980 ở thôn Đ, xã Đ, huyện H nên biết Dương Thị Q vì T và Q ở cùng nhau. D biết Q làm chủ lô, đề nên thi thoảng D có mua số lô, số đề của Q, Q thu của D 23.000 đồng/1 điểm lô và 100% số tiền đề cũng như hình thức khác. Ngày 21/10/2016 D đã sử dụng điện thoại di động lắp sim số 0977.442.668 nhắn tin mua các số lô, số đề với Q số tiền là 1.730.000 đồng, số tiền trúng là 520.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền D tham gia đánh bạc với Q ngày 21/10/2016 là 2.250.000 đồng. Sau khi biết Q bị bắt, D đã hủy chiếc máy điện thoại và sim điện thoại số 0977.442.668.

6. Hành vi đánh bạc của Dương Thị Q và đối tượng tên Q ở quận C, thành phố Hà Nội:

Dương Thị Q khai quen biết xã hội với Q ở quận C, thành phố Hà Nội (Q không rõ tuổi và địa chỉ cụ thể), Q có số điện thoại 0904.560.858. Dương Thị Q có nhận bán các số lô, số đề cho Q với giá 21.900 đồng/1 điểm lô, chiết khấu 25% tổng số tiền đề và hình thức khác. Ngày 20/10/2016, Q nhắn tin mua của Dương Thị Q tổng số tiền lô, đề là 1.102.500 đồng, không trúng. Ngày 21/10/2016, Q nhắn tin mua của Dương Thị Q tổng số tiền lô, đề là 1.095.000 đồng, không trúng.

7. Hành vi đánh bạc của Dương Thị Q và đối tượng tên H ở thành phố N, tỉnh Nam Định:

Quyên khai quen biết xã hội với H ở thành phố N, H có số điện thoại 0915.123.059. Q có nhận bán số lô, số đề cho H với giá 21.900 đồng/1 điểm lô, chiết khấu 25% tổng số tiền đề và hình thức khác. Ngày 21/10/2016, H mua số lô, số đề của Q bằng cách ghi các số lô, số đề lên một tờ cáp rồi chụp ảnh, gửi qua Zalo cho Q với tổng số tiền là 5.829.000 đồng, số tiền trúng là 1.900.000 đồng. Tổng số tiền Q đánh bạc với H ngày 21/10/2016 là 7.729.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định số tiền Dương Thị Q đánh bạc trong ngày 20/10/2016 là 5.741.500 đồng, ngày 21/10/2016 là 115.704.000 đồng; Nguyễn Thị H đánh bạc ngày 21/10/2016 là 15.180.000 đồng và Chu Văn H đánh bạc ngày 21/10/2016 là 82.470.000 đồng.

Ngày 02/11/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã ra các Quyết định số 48, 49, 50 thu giữ thư tín, điện tín tại bưu điện đối với tất cả các số điện thoại di động mà các đối tượng sử dụng trong việc giao dịch, mua bán số lô, số đề. Kết quả cụ thể như sau:

- Số điện thoại 0963.903.268 là số điện thoại Dương Thị Q khai sử dụng mua, bán số lô, số đề. Kết quả thu giữ điện tín xác định chủ thuê bao là Nguyễn Thị D, sinh năm 1986 ở thôn C, xã L, huyện H. Nguyễn Thị D là em dâu của Q, D thừa nhận có đứng tên chủ thuê bao đối với số điện thoại 0963.903.268 nhưng đề cho Q sử dụng. Tuy nhiên, chị D không biết Q sử dụng số điện thoại này vào việc đánh bạc nên không có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Thị D.

- Số điện thoại 0915.123.059 Q khai là số điện thoại của đối tượng tên H ở thành phố N sử dụng mua số lô, số đề của Q: Kết quả thu giữ điện tín xác định số thuê bao 0915.123.059 không có trong cơ sở dữ liệu khách hàng của Vinaphone nên không thể xác định được đối tượng tên H như Q khai để xử lý.

- Số điện thoại 0962.388.482 và 0989.409.880 là số điện thoại Nguyễn Thị H sử dụng trong việc mua bán số lô, số đề của Q. Kết quả thu giữ điện tín xác định Nguyễn Thị H đứng tên chính chủ đối với 02 số điện thoại trên.

- Số điện thoại 0984.394.385 là số điện thoại Chu Văn H sử dụng trong việc mua bán số lô, số đề của Q. Kết quả thu giữ điện tín xác định Chu Văn H đứng tên chính chủ đối với số điện thoại trên.

- Số điện thoại 0977.442.668 là số điện thoại Hà Quang D sử dụng trong việc mua bán số lô, số đề của Q. Kết quả thu giữ điện tín xác định Hà Quang D đứng tên chính chủ đối với số điện thoại trên.

- Số điện thoại 0974.998.811 và 0983.156.228 là số điện thoại Nguyễn Văn D sử dụng trong việc mua bán số lô, số đề của Q. Kết quả thu giữ điện tín xác định Nguyễn Văn D đứng tên chính chủ đối với 02 số điện thoại trên.

- Số điện thoại 0968.558.235 là số điện thoại Nguyễn Văn Tuyển sử dụng trong việc mua số lô, số đề của Quyên. Kết quả thu giữ điện tín xác định Nguyễn Văn Tuyển đứng tên chính chủ đối với số điện thoại trên.

- Số điện thoại 0904.560.858 là số điện thoại đối tượng tên Q sử dụng mua số lô, số đề của Dương Thị Q. Kết quả thu giữ điện tín xác định số thuê bao do Nguyễn Lê Q, sinh năm 1978 ở Tổ B, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội đứng tên đăng ký. Tiến hành xác minh, chính quyền địa phương xác định Nguyễn Lê Q đã chuyển hộ khẩu đi nơi khác, cụ thể chuyển đến đâu chính quyền địa phương không rõ nên không có căn cứ để xác định và xử lý đối với đối tượng Q.

- Số điện thoại 0973.922.669 theo Q khai là số điện thoại Nguyễn Thị N sử dụng trong việc mua số lô, số đề của Q. Kết quả thu giữ điện tín xác định người đứng tên chính chủ đối với số điện này là Nguyễn Thanh V, sinh năm 1985 ở Trần Hưng Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Xác minh tại địa phương không xác định được đối tượng Nguyễn Thanh V.

- Số điện thoại 01662.037.929 là số điện thoại mà người đàn ông không rõ danh tính sử dụng nhắn tin mua số lô, số đề với Nguyễn Thị H. Kết quả thu giữ điện tín xác định chủ thuê bao là “Nguyen Van H”, sinh năm 1987 có địa chỉ tại xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Xác minh tại địa phương không xác định được người nào có tên, tuổi và địa chỉ nêu trên.

- Số điện thoại 01642.518.756 là số điện thoại Đỗ Tiến D sử dụng trong việc mua số lô, số đề với Nguyễn Thị H. Kết quả thu giữ điện tín xác định người đứng tên chủ thuê bao là “Nguyễn Văn Đ”, sinh năm 1987 có địa chỉ tại xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Xác minh tại địa phương không xác định được người nào có tên, tuổi và địa chỉ nêu trên.

Tại Bản án số 35/2017/HSST ngày 29/6/2017 của Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Dương Thị Q, Chu Văn H, Nguyễn Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 248; điểm p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 47 Bộ luật hình sự; Xử phạt Dương Thị Q 18 tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đề thi hành án, được trừ đi số ngày đã tạm giữ bị cáo (từ ngày 21/10/2016 đến ngày 31/10/2016).

Phạt Dương Thị Q 15.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 248; điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 47 Bộ luật hình sự; Xử phạt Chu Văn H 15 tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đề thi hành án, được trừ đi số ngày đã tạm giữ bị cáo (từ ngày 25/10/2016 đến ngày 31/10/2016).

Phạt Chu Văn H 10.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 10 tháng tù cho hưởng án treo và phạt bổ sung 05 triệu đồng, xử lý vật chứng, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/7/2017, bị cáo Dương Thị Q kháng cáo đề nghị hưởng án treo và giảm hình phạt bổ sung.

Ngày 04 /7/2017, bị cáo Chu Văn H kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Thị Q vắng mặt có đơn đề nghị hoãn phiên tòa với lý do đang nằm viện, không có đơn rút kháng cáo.

Bị cáo Chu Văn H đề nghị được hưởng án treo với lý do: là lao động chính trong gia đình, công việc nhiều, phải nuôi 02 con nhỏ và mẹ già, muốn được cải tạo ở địa phương để có điều kiện phát triển kinh tế trả nợ, nuôi con, nuôi mẹ già, bị cáo đã tự giác nộp tiền phạt, án phí sơ thẩm, đã có công giúp Công an huyện Hiệp Hòa phát hiện và xử lý vụ án đánh bạc xảy ra ở M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “được tặng giấy khen vì

đã hỗ trợ quỹ nhân đạo xã P- huyện Y ở khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với Dương Thị Q do người ký Giấy khen không đúng thẩm quyền; đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Dương Thị Q; đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chu Văn H do có vai trò thứ yếu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, xử phạt bị cáo Chu Văn H 15 tháng tù, cho hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Thị Q không nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị Q cho bị cáo hưởng án treo vì ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo đã lập công chuộc tội, bị cáo cũng chỉ là thư ký đề cho người có tên N ở quận C-Hà Nội, bị cáo có nhân thân tốt, sức khỏe yếu, tại phiên tòa phúc thẩm có xuất trình thêm tài liệu mới là bị cáo được UBND xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang tặng giấy khen, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Dương Thị Q hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Dương Thị Q và Chu Văn H đã nộp theo đúng quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp lệ, cần được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Thị Q vắng mặt có lý do nhưng Hội đồng xét xử thấy vụ án này đã hoãn phiên tòa nhiều lần với lý do từ bị cáo Dương Thị Q, bị cáo chỉ có kháng cáo theo hướng có lợi cho bị cáo mà không bị kháng cáo, kháng nghị theo hướng bất lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục phiên tòa xét xử vắng mặt bị cáo Dương Thị Q là đúng với Điều 245 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Dương Thị Q và Chu Văn H, qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 20/10/2016, Dương Thị Q đã đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 5.741.500 đồng; Ngày 21/10/2016 Q đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 115.704.000 đồng; Nguyễn Thị H đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề với số tiền sử dụng để đánh bạc là 15.180.000 đồng; Chu Văn H đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề với số tiền sử dụng để đánh bạc là 82.470.000 đồng.

Án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Dương Thị Q và Chu Văn H phạm tội” Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Dương Thị Q và Chu Văn H thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Dương Thị Q sau khi phạm tội đã ra đầu thú và khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã có công phát

hiện giúp Phòng cảnh sát truy nã tội phạm Công an tỉnh Bắc Giang bắt đối tượng đang bị truy nã là An Văn C, sinh năm 1979, HKTT: xã Đ, huyện H, Bắc Giang. Án sơ thẩm đã áp dụng điểm p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là có căn cứ.

Đối với bị cáo Chu Văn H, sau khi phạm tội, bị cáo H đã ra đầu thú, có thành tích xuất sắc trong học tập được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang tặng Bằng khen năm 2003, trong thời gian đi bộ đội năm 2006 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Trung đoàn 12 tặng giấy khen; Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Án sơ thẩm đã áp dụng điểm điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là có căn cứ.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Dương Thị Q phải chịu tình tiết “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo Chu Văn H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Thị Q có nộp thêm tài liệu thể hiện trong các ngày 10/6/2016 và ngày 15/12/2016 bị cáo có công cung cấp thông tin, phối hợp, hỗ trợ cơ quan công an trong quá trình xác minh, truy bắt hai đối tượng phạm pháp và có hai công văn xác nhận của công an phường P- Công an quận N đề nghị cho bị cáo Dương Thị Q được hưởng các chính sách khoan hồng của pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm, Người bào chữa xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo Dương Thị Q được Chủ tịch UBND xã M, huyện L tặng Giấy khen vì đã ủng hộ người nghèo. Bị cáo Chu Văn H nộp thêm tài liệu thể hiện trong ngày 02/7/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Hiệp Hòa nhận được tin báo tố giác tội phạm do bị cáo cung cấp, sau đó Công an huyện Hiệp Hòa đã bắt quả tang tại nhà hai đối tượng đang thực hiện việc ghi số lô, số đề và có công văn xác nhận của Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Hiệp Hòa đề nghị xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo cũng đã tự giác nộp 10.200.000 đồng thi hành tiền phạt, án phí sơ thẩm.

Mặc dù ở cấp phúc thẩm, bị cáo Dương Thị Q có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, song bị cáo là người có vai trò chính trong vụ án, phạm tội nhiều lần, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 18 tháng tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã khoan hồng, giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo phạm tội có tính chất nghiêm trọng, có nhiều thư ký đề tham gia giúp bị cáo, ở các địa phương khác nhau, có động cơ thu lời bất chính, có tài sản để thi hành án. Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc hưởng án treo và giảm hình phạt bổ sung, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Chu Văn H: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, đánh giá đúng vai trò của các bị cáo trong vụ án và đã xử phạt bị cáo Chu Văn H 15 tháng tù, không cho hưởng án treo là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới ở điểm q khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự và xét bị cáo cũng có nhân thân tốt, có nơi ở rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có vai trò thứ yếu là thư ký đề giúp sức

cho bị cáo Dương Thị Q, bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt 15 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Dương Thị Q không được chấp nhận nên bị cáo Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Chu Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị Q và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 248; điểm p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Dương Thị Q 18 (Mười tám) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi số ngày đã bị tạm giữ: từ ngày 21/10/2016 đến ngày 31/10/2016.

Phạt bổ sung Dương Thị Q 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

[2] Sửa một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo Chu Văn H:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 47; Điều 60 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Chu Văn H 15 (Mười lăm) tháng tù về tội Đánh bạc, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm: 28/12/2017.

Giao bị cáo Chu Văn H cho UBND xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; bị cáo Dương Thị Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Chu Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Xác nhận bị cáo Chu Văn H đã nộp 10.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (theo Biên lai thu tiền số AA/2012/00461 ngày 31/8/2017).

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- TAND huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng

